

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026

[illegible]

Vĩnh Sơn 4	Mức nước (H, m)									
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)									
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)									
Vĩnh Sơn 5	Mức nước (H, m)	154.30	154.30		153.70	153.65	153.95	154.40	154.65	154.70
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	10.00	20.00		10.00	10.02	9.90	9.82	10.53	10.40
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					10.02	5.90	5.82	9.53	10.40
Trà Xom 1	Mức nước (H, m)	654.41	654.42	654.43	654.45	654.50	654.55	654.60	654.65	654.70
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	0.53	1.03	1.69	3.04	3.39	3.38	3.36	3.34	3.33
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Định Bình	Mức nước (H, m)				75.43	75.43	75.44	75.45	75.46	75.48
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					15.78	11.60	11.43	15.11	15.93
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					9.50	9.50	9.50	9.50	9.50
Núi Một	Mức nước (H, m)				38.63	38.65	38.65	38.70	38.70	38.70
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				2.86	2.86	2.84	2.81	2.79	2.75
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mức nước (H, m)				61.97	61.95	61.95	61.95	61.95	61.95
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.68	0.40	0.39	0.37	0.35	0.32
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Văn Phong	Mức nước (H, m)				24.42	24.35	24.35	24.35	24.35	24.35
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					11.82	11.76	11.69	11.76	11.93
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					12.60	12.60	12.60	12.60	12.60

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 766.47 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.20 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 815.50 m

- Lưu lượng đến hồ: 0.23 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 971.59 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.40 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 153.70 m
- Lưu lượng đến hồ: 10.00 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 654.45 m
- Lưu lượng đến hồ: 3.04 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 75.43 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.00 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	38.63	m
- Lưu lượng đến hồ:	2.86	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	61.97	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.68	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	24.42	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.00	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa